

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-PT
Ngày 16 tháng 5 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Huyền; Bà Điều Thị Bích Lược.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐ-PT ngày 25/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cù Thị N, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu 5, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Danh N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu 5, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ;

Người kháng cáo: Chị Cù Thị N là nguyên đơn.

(Chị N và anh N đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn là chị Cù Thị N trình bày:**

Chị có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Danh N tại UBND xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại xã Phú H, thị xã Phú T. Quá trình chung sống vợ

chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nết của nhau, anh N có quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Danh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Đức K, sinh ngày 02/12/2017. Sau khi ly hôn chị xin nuôi con, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị xin nuôi con vì cháu K còn nhỏ nên ở với chị sẽ thuận tiện cho việc chăm sóc cháu lâu dài sau này. Hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con. Trước đây cháu K ở cùng với vợ chồng chị và ông bà nội tại khu 5, xã Phú H; đến ngày 18/12/2022 chị đã chuyển cháu K về ở cùng ông bà ngoại; Ông bà ngoại tạo điều kiện giúp đỡ chị chăm sóc cháu hàng ngày. Hiện nay thời gian làm việc của chị chủ yếu làm trong giờ hành chính nên có thời gian để chăm sóc con, thỉnh thoảng làm ca chiều, muộn nhất là 22h30 thì về nhà. Trước đây anh N đi làm ăn xa nhà từ lúc cháu K được 05 tháng tuổi đến khi cháu K được 3 tuổi rưỡi nên không hiểu hết tính nết và các thói quen trong cuộc sống. Anh N còn có quan hệ ngoại tình nên không đủ tư cách để nuôi con. Chị cũng đã có tình cảm với người khác nhưng chưa có gì xảy ra. Ngoài ra ông bà ngoại cháu K hiện nay còn trẻ, có sức khỏe còn ông bà nội sức khỏe yếu hơn.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Điều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Danh N trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị N trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp nhau, chị N có quan hệ tình cảm với người khác, anh cũng có quan hệ tình cảm với người khác. Nay chị N xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức K, sinh ngày 02/12/2017. Sau khi ly hôn anh xin nuôi con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh xin nuôi con vì cháu K đã ở cùng vợ chồng anh tại nhà ông bà nội từ nhỏ nên đã quen với môi trường sống, điều kiện ăn ở sinh hoạt thuận tiện vì nhà ông bà nội gần trường học. Hiện nay anh làm tự do, có cửa hàng kinh doanh bách hóa tại nhà, có thu nhập, có thời gian để đưa đón cháu K đi học và chăm sóc cháu hàng ngày. Chị N đi làm theo ca nên giờ giấc không cố định dẫn đến khó khăn cho việc đưa đón con đi học và chăm sóc con hàng ngày. Chị N phải đi làm ca, thời gian làm việc dài lại thêm gặp gỡ nhân tình bên ngoài nên việc gia đình bị ảnh hưởng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Điều không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Cù Thị N và anh Nguyễn Danh N.

Xử giao cho anh Nguyễn Danh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức K, sinh ngày 02/12/2017. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Kháng cáo:

Ngày 27 tháng 01 năm 2023, nguyên đơn chị Cù Thị N nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm về phần con chung, không đồng ý việc Tòa án nhân dân thị xã Phú T giao con cho anh Nguyễn Danh N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cho chị trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 02/12/2017.

Tại phiên tòa ngày 16/5/2023 chị N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của các đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của chị Cù Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ về phần con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của chị N trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của chị N kháng cáo một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2023/HNGĐ-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Nguyễn Đức K cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 02/12/2017. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có chung nguyện vọng được nuôi con chung. Chị N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu K cho anh N là không phù hợp bởi tư cách đạo đức không có. Còn chị có thu nhập ổn định, thời gian, công việc đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu K.

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ thu thập bổ sung tại cấp phúc thẩm theo đề nghị của chị N cho thấy: Qua xác minh tại địa phương thì anh N có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung rất tốt, gia đình anh N ở gần trường học, cháu K từ khi sinh ra đã ở tại gia đình anh N cùng ông bà nội của cháu K. Căn cứ điều kiện hoàn cảnh thực tế, ý kiến của trường khu 5, xã Phú H và Hội phụ nữ xã Phú H đều đề nghị Tòa án giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu K cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, lời trình bày chị N là không có căn cứ chấp nhận, do vậy kháng cáo của chị N không có căn cứ để chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị N phải chịu theo quy định của pháp luật. Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Cù Thị N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2023/HNGĐ-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ về phần con chung.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Danh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức K, sinh ngày 02/12/2017. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N do anh N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng. Chị

N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị Cù Thị N và anh Nguyễn Danh N mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002918 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú T. Chị N còn được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Chị Cù Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002975 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND thị xã Phú T;
- Chi cục THADS thị xã Phú T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Tiến Dũng